| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN BÌNH CHÁNH**<br>**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 1106/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 31-12-2024
V/v Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH – TP. HỒ CHÍ MINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Hồng Cẩm

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Phan Thị Dòn.

2. Ông Lê Trung .

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Trung Hiếu – *Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.*

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa*:** Không có.

Ngày 31 tháng 12 năm 2024, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 846/2024/TLST-HNGĐ ngày 21/10/2024 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 951/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12/11/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 795/2024/QĐST-HNGĐ ngày 05/12/2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Ngô Thị Ngọc H**, sinh năm: 1993; Địa chỉ: F ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang. (Bà H có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt)

2. Bị đơn: Ông **Lý Đỗ Quốc T**, sinh năm: 1992; Địa chỉ: A Tổ F, ấp B, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. (Ông T vắng mặt tại phiên tòa)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn xin ly hôn ngày 19/8/2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án - Nguyên đơn bà Ngô Thị Ngọc H trình bày:*

Bà và ông Lý Đỗ Quốc T chung sống từ năm 2015, do tự tìm hiểu, có tổ chức đám cưới, được Ủy ban nhân dân xã B, huyện B cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 14/02/2019. Thời gian đầu, bà và ông T chung sống hạnh phúc, đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không còn hòa hợp, mặc dù cả hai khi đó còn sống chung nhà nhưng ít còn sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Vì vậy, từ năm 2020 đến nay bà và ông T sống ly thân. Sau nhiều lần cố gắng hòa giải hàn gắn nhưng vẫn không được nên vào đầu năm 2024 cả hai có làm thủ tục thuận tình ly hôn nhưng sau đó ông T không đến Tòa án chưa giải quyết ly hôn được. Do đó, nay bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông L Đỗ Quốc T.

Về con chung, bà và ông T chung sống có một con chung tên Lý Trí T1, sinh ngày 01/9/2017, từ khi sống ly thân cho đến nay thì con do bà nuôi dưỡng. Vì vậy khi ly hôn bà có nguyện vọng tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Hiện nay, bà đi làm thu nhập hàng tháng của bà được khoảng 10.000.000 đồng/tháng nên cũng đủ nuôi con, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con cùng bà.

Về tài sản chung, bà xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung, bà xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*- Bị đơn ông Lý Đỗ Quốc T vắng mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án và không có bất kỳ văn bản nào phản hồi đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.*

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

[2.1] Về quan hệ pháp luật:

Nguyên đơn bà Ngô Thị Ngọc H khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bị đơn ông Lý Đỗ Quốc T, vì vậy đây là tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án:

Theo Thông báo số 018372/TB ngày 25/7/2023 của Công an xã B thì ông L Đỗ Quốc T hiện đang ở tại địa chỉ A Tổ F, ấp B, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. Vì vậy, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[3] Về sự vắng mặt của các đương sự:

- Nguyên đơn bà Ngô Thị Ngọc H có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt, do đó Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bà H theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với bị đơn ông Lý Đỗ Quốc T, Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh đã tiến hành tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập đương sự tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự cho ông L Đỗ Quốc T nhưng ông T vẫn không đến tham gia tố tụng tại Tòa án nên Hội đồng xét xử đưa vụ án ra xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về hôn nhân: Theo giấy chứng nhận kết hôn số 13 do Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14/02/2019 có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông T là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Theo trình bày của bà H xác định giữa bà và ông T phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là bất đồng quan điểm sống, tính tình không còn hòa hợp, dẫn đến vợ chồng sống ly thân. Vì vậy, bà H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông T. Còn ông T vắng

mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án, không thể hiện ý kiến, yêu cầu về các yêu cầu khởi kiện của bà H.

[6] Hội đồng xét xử xét thấy, trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án thì ông T vắng mặt, như vậy trên thực tế mâu thuẫn giữa bà H và ông T có diễn ra. Từ nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy mục đích hôn nhân giữa bà H và ông T đã không đạt được, đời sống chung giữa hai vợ chồng không thể tiếp tục kéo dài. Do đó, bà H yêu cầu ly hôn đối với ông T là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về con chung: Bà H xác nhận giữa bà và ông T chung sống có một con chung tên Lý Trí T1, sinh ngày 01/9/2017. Khi ly hôn, nguyện vọng của bà H được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con cùng bà.

Còn ông T vắng mặt không thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu về con chung của bà H, do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào chứng cứ do chị T2 cung cấp để xem xét.

[7.1] Về quyền nuôi con khi ly hôn:

Căn cứ khoản 2, khoản 3 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có quy định:

"*2. Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con"*

*3. Con dưới 36 tháng tuổi được giao cho mẹ trực tiếp nuôi dưỡng, trừ trưởng hợp người mẹ không đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giao dục con hoặc cha mẹ có thỏa thuận khác phù hợp với lợi ích của con*"

Tại Biên bản ghi nhận ý kiến ngày 24/10/2024 thì cháu Lý Trí T1 có nguyện vọng được tiếp tục sống với bà H.

Hội đồng xét xử xét thấy như sau: Hội đồng xét xử xem xét đến khả năng của các đương sự về việc đảm bảo cuộc sống ổn định, tinh thần, sự phát triển tốt nhất cho cháu T1 nên căn cứ khoản 3 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy cần tiếp tục giao cháu Lý Trí T1 cho bà H tiếp tục nuôi dưỡng là thỏa đáng.

[7.2] Về cấp dưỡng nuôi con: Do bà H không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi cháu T1 khi ly hôn. Tuy nhiên, do đây là quyền lợi của trẻ, do đó Hội đồng xét xử xét tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông T.

[8] Về tài sản chung: Bà H xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn ông T vắng mặt không thể hiện ý kiến, yêu cầu của ông về tài sản chung giữa ông và bà H. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận vấn đề tài sản chung theo yêu cầu của bà H, trường hợp các đương sự có tranh chấp sẽ yêu cầu giải quyết trong một vụ án khác.

[9] Về nợ chung: Bà H xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn ông T vắng mặt không thể hiện ý kiến, yêu cầu của ông về nợ chung giữa ông và bà H. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận vấn đề nợ chung theo yêu cầu của bà H, trường hợp các đương sự có tranh chấp sẽ yêu cầu giải quyết trong một vụ án khác.

[10] Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn bà Ngô Thị Ngọc H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 179, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 8, Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 69, Điều 71, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:**

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Ngô Thị Ngọc H đối với bị đơn ông Lý Đỗ Quốc T về việc tranh chấp ly hôn.

1.1 Về hôn nhân: Bà Ngô Thị Ngọc H được ly hôn với ông Lý Đỗ Quốc T. Quan hệ hôn nhân giữa bà Ngô Thị Ngọc H và ông Lý Đỗ Quốc T chấm dứt cũng như giấy chứng nhận kết hôn số 13 do Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14/02/2019 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

1.2 Về con chung: Bà Ngô Thị Ngọc H và ông L Đỗ Quốc T có một con chung tên Lý Trí T1, sinh ngày 01/9/2017. Hiện cháu Lý Trí T1 đang sống cùng Ngô Thị Ngọc H.

Giao con chung tên Lý Trí T1, sinh ngày 01/9/2017 cho bà Ngô Thị Ngọc H tiếp tục nuôi dưỡng, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Lý Trí T1 đối với ông Lý Đỗ Quốc T.

Ông Lý Đỗ Quốc T có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền cản trở, vì lợi ích con chung, khi cần thiết các bên có quyền xin thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con sau này theo quy định tại Điều 83, Điều 84 và Điều 116 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó theo quy định tại Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

1.3 Về tài sản chung: Bà Ngô Thị Ngọc H xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Tòa án không đặt ra giải quyết; trường hợp các đương sự có tranh chấp sẽ yêu cầu giải quyết trong một vụ án khác.

1.4 Về nợ chung: Bà Ngô Thị Ngọc H xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Tòa án không đặt ra giải quyết; trường hợp các đương sự có tranh chấp sẽ yêu cầu giải quyết trong một vụ án khác.

2. Về án phí: Nguyên đơn bà Ngô Thị Ngọc H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng

án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) mà bà H đã nộp theo biên lai thu số 0042988 ngày 17/10/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà H đã nộp đầy đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Ngô Thị Ngọc H và bị đơn ông L Đỗ Quốc T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc được niêm yết theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận:***
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh (1);
- VKSND H. Bình Chánh (2);
- Chi cục THADS H. Bình Chánh (1);
- UBND xã Bình Hưng, H. Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu hồ sơ, VP (3).

2 000015 525206

**Trần Thị Hồng Cẩm**